

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 296/2020/DS-ST
Ngày: 24/09/2020

NHÂN DANH

*V/v Tranh chấp Đòi tài sản, yêu
cầu tuyên bố giao dịch dân sự vô
hiệu*

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TIỀN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Quốc Tường;**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/Ông Nguyễn Bền

2/Bà Phan Thị Quý

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thảo**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành: Ông **Duy Ngọc Thái**-Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 09 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 256/2020/TLST-DS ngày 17/07/2020 về việc “*Tranh chấp Đòi tài sản, yêu cầu tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 141/2020/QĐXXST-DS ngày 07/9/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Trương Thị M sinh năm 1966 (có mặt)

Địa chỉ: 2/4D LĐT, phường 17, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh

2. Bị đơn: Tăng Văn H, sinh năm 1970

Địa chỉ: ấp ĐA xã NB, CT, tỉnh Tiền Giang

Người đại diện ủy quyền: Trần Văn T sinh năm 1965 (có mặt)

Địa chỉ: ấp MT, xã MTA, CG, Tiền Giang

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Phạm Văn T1 sinh năm 1974

Địa chỉ: ấp R, thị trấn TH, CT, Tiền Giang

Người đại diện ủy quyền: Nông Thị T2 sinh năm 1966 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: 2/4C LĐT, phường 17, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trương Thị M trình bày: Theo bản án dân sự phúc thẩm số 188/DSPT ngày 30/11/2010 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai thì bà Bùi Ngọc D phải trả cho bà Nông Thị Vân G số tiền 1.776.022.400 đồng, Chi cục thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai ủy thác cho Chi cục thi

hành án dân sự Thành phố Bến Tre tiếp tục giải quyết thi hành án, do Chi cục thi hành án dân sự TP Bến Tre đã kê biên đấu giá tài sản của bà D người mua trong đấu giá cũng nộp đủ tiền cho Chi cục thi hành án dân sự Thành phố Bến Tre 3.852.200.000 đồng. Bà Trương Thị M được bà G ủy quyền giải quyết việc thi hành án và nhận tiền. Căn cứ vào việc ủy quyền này bà M lập một giấy thỏa thuận với ông Tăng Văn H nội dung đồng ý để ông H tư vấn pháp lý thảo đơn khiếu nại hướng dẫn cho bà M hoàn tất đơn khiếu nại hướng dẫn cho bà M hoàn tất việc thi hành án cho đến khi bà M được lãnh toàn bộ số tiền lãi và gốc theo quyết định thi hành án trên thời gian 03 tháng tính từ ngày 24/12/2019, nếu bà M nhận lãnh được số tiền thì đồng ý thưởng cho ông H 200.000.000 đồng. Ngày 24/12/2019 bà M đã tạm ứng cho ông H 100.000.000 đồng, ông H đã nhận đủ số tiền này. Sau 03 tháng như trên nếu bà M nhận lãnh hết số tiền tại chi cục thi hành án dân sự TP Bến Tre thì bà M sẽ giao tiếp 100.000.000 đồng hứa thưởng còn lại. Nếu sau 03 tháng ông H tư vấn pháp lý không có kết quả làm cho bà M không nhận được số tiền theo quyết định thi hành án như trên thì ông H phải hoàn trả 100.000.000 đồng ngay lập tức, hạn chót trả tiền là hết ngày 24/3/2020. Ông H cam kết không đòi hỏi khoản phí nào từ bà M. Từ đó cho đến nay đã 06 tháng nhưng ông H không có một động thái nào giúp đỡ bà M về vấn đề pháp lý không hướng dẫn làm đơn khiếu nại bà M đã nhiều lần gọi điện thông báo ông H vi phạm thỏa thuận, yêu cầu ông H trả 100.000.000 đồng đã tạm ứng nhưng ông H không trả lại.

Bà M khởi kiện yêu cầu ông H trả lại 100.000.000 đồng đã tạm ứng, thực hiện trả 01 lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và yêu cầu tòa án tuyên bố giấy thỏa thuận giữa bà M và ông H là vô hiệu vì ông H không phải luật sư không có chứng chỉ hành nghề không có tư cách pháp nhân để ký giấy thỏa thuận về việc tư vấn pháp lý thảo đơn khiếu nại cho bà M.

* Tại bản ý kiến của bị đơn Tăng Văn H và tại phiên tòa người đại diện ủy quyền của bị đơn ông Tăng Văn H là ông Trần Văn T trình bày: ông H cho biết có gặp bà M qua giới thiệu của ông L địa chỉ ấp R thị trấn TH, huyện CT, Tiền Giang, bà M có nhờ ông H xem hồ sơ thi hành án và nhờ ông H liên hệ các cơ quan liên quan, soạn thảo đơn, yêu cầu thi hành kể cả khiếu nại cho bà với số tiền thù lao là 200.000.000 đồng đưa trước 100.000.000 đồng, còn lại 100.000.000 đồng khi vụ kiện kết thúc. Thời gian 03 tháng kể từ ngày ký giấy thỏa thuận. Sau khi xem hồ sơ ông H đã liên hệ nhiều lần với Chi cục thi hành án dân sự TP Bến Tre và hướng dẫn bà M trình bày các ý kiến bổ sung để cơ quan thi hành án sớm giải quyết vụ án. Sau khi làm thủ tục đúng quy định pháp luật, chờ kết quả nhận tiền thì xảy ra dịch Covid 19 nên tạm hoãn lại đến ngày 02/7/2020 Chi cục thi hành án đã giải quyết xong. Như vậy ông H đã làm xong việc bà Hoàng nhờ lý do trễ là do dịch bệnh Covid, sự việc ông cũng đã trao đổi với bà M, bà cũng đồng ý. Nay bà đòi lại 100.000.000 đồng, ông không đồng ý trả vì đây là tiền thù lao và chi phí tàu xe, việc đi lại rất tốn kém, công việc thi hành án cũng xong đạt yêu cầu cho bà M.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn T1 có người đại diện ủy quyền là bà Nông Thị T2 trình bày:

Ông Phạm Văn T1 là người giới thiệu bà M cho ông H vì ông H là người biết pháp luật nên ông H sẽ tư vấn giúp đỡ cho bà M quá trình thi hành án còn việc làm giấy thỏa thuận giữa bà M và ông H thì ông T1 không tham gia ông T1 cũng không tham gia quá trình thi hành án của bà M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Tăng Văn H cư trú tại ấp Đông A, xã Nhị Bình, Châu Thành, Tiền Giang do đó căn cứ vào Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

[2] Về quan hệ tranh chấp: bà M khởi kiện yêu cầu tuyên bố giấy thỏa thuận ngày 24/12/2019 giữa ông H và bà M là vô hiệu và yêu cầu ông H hoàn trả lại cho bà M 100.000.000 đồng đã tạm ứng, do đó Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp giữa bà M và ông H là tranh chấp “*Đòi tài sản, yêu cầu tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu*” được xem xét giải quyết theo Điều 122, Điều 166, Điều 274, Điều 280 Bộ luật Dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Về nội dung yêu cầu:

Căn cứ vào “Giấy thỏa thuận” ngày 24/12/2019, công văn số 747 ngày 04/9/2020 của Chi cục thi hành án dân sự TP Bến Tre, bản tự khai cũng như lời trình bày của đương sự tại buổi hòa giải và tại phiên tòa có cơ sở xác định:

Theo bản án dân sự phúc thẩm số 188/DSPT ngày 30/11/2010 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai thì bà Bùi Ngọc D phải trả cho bà Nông Thị Vân G số tiền 1.776.022.400 đồng, Chi cục thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai ủy thác cho Chi cục thi hành án dân sự Thành phố Bến Tre tiếp tục giải quyết thi hành án, do Chi cục thi hành án dân sự TP Bến Tre đã kê biên đấu giá tài sản của bà D người mua trong đấu giá cũng nộp đủ tiền cho chi cục thi hành án dân sự Thành phố Bến Tre 3.852.200.000 đồng. Bà Trương Thị M được bà G ủy quyền giải quyết việc thi hành án và nhận tiền.

Vào ngày 24/12/2019 giữa bà M và ông H có làm giấy thỏa thuận nội dung đồng ý để ông H tư vấn pháp lý thảo đơn khiếu nại hướng dẫn cho bà M hoàn tất đơn khiếu nại hướng dẫn cho bà M hoàn tất việc thi hành án cho đến khi bà M được lãnh toàn bộ số tiền lãi và gốc theo quyết định thi hành án trên thời gian 03 tháng tính từ ngày 24/12/2019, nếu bà M nhận lãnh được số tiền thì đồng ý thưởng cho ông H 200.000.000 đồng. Ngày 24/12/2019 bà M đã tạm ứng cho ông H 100.000.000 đồng, ông H đã nhận đủ số tiền này. Sau 03 tháng như trên nếu bà M nhận lãnh hết số tiền tại Chi cục thi hành án dân sự TP Bến Tre thì bà M sẽ giao tiếp 100.000.000 đồng hứa thưởng còn lại. Nếu sau 03 tháng ông H tư vấn pháp lý không có kết quả làm cho bà M không nhận được số tiền theo quyết định thi hành án như trên thì ông H phải hoàn trả 100.000.000 đồng ngay lập tức, hạn chót trả tiền là hết ngày 24/3/2020. Ông H cam kết không đòi hỏi khoản phí nào từ bà M. Theo bà M thì đã qua 06 tháng nhưng ông H không có một động thái nào giúp đỡ bà M về vấn đề pháp lý không hướng dẫn làm đơn khiếu nại bà M đã nhiều lần gọi điện thông báo ông H vi phạm thỏa thuận, yêu cầu ông H trả 100.000.000 đồng đã tạm ứng nhưng ông H không trả lại nên bà M khởi kiện yêu cầu ông H trả lại 100.000.000 đồng đã tạm ứng, thực hiện trả 01 lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và yêu cầu tòa án tuyên bố giấy thỏa thuận giữa bà M và ông H là vô hiệu vì ông H không phải luật sư không có chứng chỉ hành nghề không có tư cách pháp nhân để ký giấy thỏa thuận về việc tư vấn pháp lý thảo đơn khiếu nại cho bà M.

Ông H thì trình bày rằng có gặp bà M qua giới thiệu của ông L địa chỉ ấp R thị trấn TH, huyện CT, Tiền Giang, bà M có nhờ ông H xem hồ sơ thi hành án và nhờ ông H liên hệ các cơ quan liên quan, soạn thảo đơn, yêu cầu thi hành kể cả khiếu nại cho bà với số tiền thù lao là 200.000.000 đồng đưa trước 100.000.000 đồng, còn lại 100.000.000 đồng khi vụ kiện

kết thúc. Thời gian 03 tháng kể từ ngày ký giấy thỏa thuận. Sau khi xem hồ sơ ông H đã liên hệ nhiều lần với Chi cục thi hành án dân sự TP Bến Tre và hướng dẫn bà M trình bày các ý kiến bổ sung để cơ quan thi hành án sớm giải quyết vụ án. Sau khi làm thủ tục đúng quy định pháp luật, chờ kết quả nhận tiền thì xảy ra dịch Covid 19 nên tạm hoãn lại đến ngày 02/7/2020 Chi cục thi hành án đã giải quyết xong. Như vậy ông H đã làm xong việc bà Hoàng nhờ do trễ là do dịch bệnh Covid sự việc ông cũng đã trao đổi với bà M, bà cũng đồng ý. Nay bà đòi lại 100.000.000 đồng, ông không đồng ý trả vì đây là tiền thù lao và chi phí tàu xe, việc đi lại rất tốn kém, công việc thi hành án cũng xong đạt yêu cầu cho bà M.

Hội đồng xét xử nhận thấy giữa bà M và ông H có làm giấy thỏa thuận ngày 24/12/2019 nội dung bà M đồng ý để ông H tư vấn pháp lý thảo đơn khiếu nại hướng dẫn cho bà M hoàn tất đơn khiếu nại hướng dẫn cho bà M hoàn tất việc thi hành án cho đến khi bà M được lãnh toàn bộ số tiền lãi và gốc theo quyết định thi hành án trên thời gian 03 tháng tính từ ngày 24/12/2019, nếu sau 03 tháng ông H tư vấn pháp lý không có kết quả làm cho bà M không nhận được số tiền theo quyết định thi hành án như trên thì ông H phải hoàn trả 100.000.000 đồng ngay lập tức, hạn chót trả tiền là hết ngày 24/3/2020. Ông H cam kết không đòi hỏi khoản phí nào từ bà M.

Tuy nhiên sau 03 tháng thì ông H không thực hiện đúng cam kết, bà M đến tháng 7/2020 mới nhận được tiền thi hành án là không đúng thỏa thuận hai bên đã ký kết. Lý do ông H đưa ra là do dịch bệnh Covid nên việc thi hành án cho bà M chậm trễ tuy nhiên theo chỉ thị 16 của Chính phủ thì thời gian cách ly toàn xã hội chỉ bắt đầu từ 01/4/2020 là đã qua thời gian ngày 24/3/2020 là thời gian thỏa thuận giữa ông H và bà M.

Ngoài ra Chi cục thi hành án dân sự cũng xác định ông H có đến liên hệ và đề nghị Chi cục xem xét giao tài sản bán đấu giá thành của bà Bùi Ngọc D để bà M được nhận tiền thi hành án và nói rằng bà M là chị bà con của ông. Việc ông H đến liên hệ không có giấy ủy quyền của bà M. Như vậy việc ông Hoàng đến liên hệ Chi cục thi hành án là ngoài phạm vi thỏa thuận của giấy thỏa thuận ngày 24/12/2019, theo bà M thì ông H cũng không có quan hệ bà con với bà. Ông H cho rằng số tiền 100.000.000 đồng là tiền thù lao chi phí tàu xe tuy nhiên giấy thỏa thuận ngày 24/12/2019 không có thỏa thuận gì về tiền thù lao hay chi phí tàu xe cho ông H như ông trình bày và ông H cũng không có chứng cứ gì chứng minh các khoản phí tàu xe ông đã trả.

Ông Tăng Văn H cũng không cung cấp thêm cho Tòa án chứng cứ chứng minh ông có tư cách pháp nhân có chức năng tư vấn pháp lý hay giấy tờ chứng cứ chứng minh ông H đã có hướng dẫn hay thảo đơn từ khiếu nại cho bà M.

Ngoài ra ông H không phải luật sư, luật gia cũng không phải tư vấn viên pháp lý theo qui định tại Điều 17 Luật trợ giúp pháp lý do đó không có chức năng tư vấn pháp lý cho bà M qua giới thiệu của ông Phạm Văn T1 nên giấy thỏa thuận ngày 24/12/2019 giữa bà M và ông H là vô hiệu theo qui định tại Điều 197 giao dịch dân sự do bị lừa dối vì ông Trần Văn T là người đại diện ủy quyền của ông H cho biết ông H chỉ là nông dân còn bà M cho biết ông H giới thiệu ông là chuyên viên tư pháp nên bà đã tin tưởng nên ký giấy thỏa thuận với ông để ông tư vấn pháp lý thảo đơn khiếu nại.

Từ những nhận định trên, có cơ sở xác định là giao dịch dân sự giữa ông H và bà M là giao dịch dân sự vô hiệu là bị lừa dối, đồng thời ông H cũng không thực hiện đúng nội dung thỏa thuận đã giao kết giữa ông và bà M. Do đó cần tuyên bố giấy thỏa thuận ngày 24/12/2019 giữa hai bên là giao dịch dân sự vô hiệu và cần buộc ông H phải có trách nhiệm hoàn trả cho bà M số tiền 100.000.000 đồng, thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí: Do nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận đối với yêu cầu khởi kiện nên nguyên đơn được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp. Bị

đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Đại diện VKS phát biểu quan điểm:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa.

Về nội dung đề nghị áp dụng các Điều 116, 117, 119, 131, 166 Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu tuyên bố giấy thỏa thuận ngày 24/12/2019 là giao dịch dân sự vô hiệu và yêu cầu bị đơn Tăng Văn H hoàn trả số tiền 100.000.000 đồng. Đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ đúng quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 116, 117, 119, 122, 127, 131, 166, 280, 351 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 17 Luật trợ giúp pháp lý năm 2017
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016;

Xử: 1/Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị M

Tuyên bố giấy thỏa thuận ngày 24/12/2019 giữa bà Trương Thị M và ông Tăng Văn H là giao dịch dân sự vô hiệu.

Buộc bị đơn Tăng Văn H có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Trương Thị M số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn trả khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2/Về án phí: Hoàn lại nguyên đơn bà Trương Thị M số tiền 2.800.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo các biên lai số 0003031 ngày 14/7/2020 và 0003114 ngày 12/8/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành. Bị đơn Tăng Văn H phải chịu 5.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

* Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành
- Chi cục THADS huyện Châu Thành
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

ĐÃ KÝ

Nguyễn Quốc Tường